

Bản án số: 72/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21/01/2025

V/v: “Ly hôn”.

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Kim Liên
- Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Ngọc Dên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1394/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 671/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 504/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị H – sinh năm: 1978

Địa chỉ: 5/35 ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Trần Quang K – sinh năm: 1972

Địa chỉ: 5/35 ấp N, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/8/2024, bản tự khai ngày 18/11/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông K tự nguyện kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyền số 1999 do UBND xã T, huyện M Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/1999.

Sau khi cưới, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do không hợp nhau, khác nhau về cách sống, vợ

chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân của bà chỉ còn hình thức. Do đó bà có nguyện vọng được ly hôn với ông K.

Con chung : 02 trẻ tên Trần Khánh L, sinh năm 2001 (đã trưởng thành), trẻ Trần Khánh D, sinh ngày 30/7/2010, bà H yêu cầu được nuôi trẻ D, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có

Nợ chung: Không có

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công Khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện M tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa án nhân dân huyện M đã tiến hành hòa giải nhưng không tiến hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do đó đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông K tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyền số 1999 do UBND xã T, huyện M Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/6/1999 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông K là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H: Tại bản khai, đơn xin vắng mặt, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông K. Bà H khai mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 do không hợp nhau, khác nhau về cách sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân của bà chỉ còn hình thức. Do đó bà có nguyện vọng được ly hôn với ông K.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông K vẫn cố tình né tránh không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông K không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về chung sống với nhau.

Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà H, ông K đang ở trong tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà H và ông K có 02 con chung tên Trần Khánh L, sinh năm 2001 (đã trưởng thành), trẻ Trần Khánh D, sinh ngày 30/7/2010, bà H yêu cầu nuôi trẻ D, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Tại bản khai của trẻ D thì trẻ D có nguyện vọng được sống với mẹ nếu ba mẹ ly hôn. Do đó, yêu cầu nuôi con của bà H là có cơ sở chấp nhận, ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, Bà Trần Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Trần Quang K.

2. Về con chung: Trần Khánh L, sinh năm 2001 (đã trưởng thành), trẻ Trần Khánh D, sinh ngày 30/7/2010. Giao trẻ D cho bà H nuôi dưỡng, tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con đối với ông K cho đến khi có yêu cầu của bà H.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án sẽ giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0047078 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi Cục THADS H.Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Kim Phụng**

